**Phụ lục 1.**

**MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

**TIẾP TỤC DUY TRÌ THỰC HIỆN NÂNG CAO CHỈ SỐ CCHC NĂM 2024**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-SCT ngày tháng 6 năm 2024 của Sở Công Thương tỉnh Bắc Kạn)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/ Tiêu chí thành phần** | **Mục tiêu năm 2024** | | | | **Nhiệm vụ, giải pháp** | | **Đơn vị chủ trì thực hiện** | | **Cơ quan phối hợp thực hiện** | | | **Thời gian thực hiện** | |
| **I** | **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TC 1.1. Thực hiện kế hoạch CCHC | 100% nhiệm vụ kế hoạch được hoàn thành đúng tiến độ | | | | | Triển khai thực hiện có hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ kế hoạch CCHC năm 2024 đề ra | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường xuyên | |
| **II** | **CẢI CÁCH THỂ CHẾ** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TC 2.1. Theo dõi thi hành pháp luật (TDTHPL) | - Đảm bảo thực hiện đầy đủ 03 hoạt động theo dõi thi hành pháp luật *(Kiểm tra; thu thập thông tin; điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật);* ban hành đầy đủ văn bản xử lý kết quả TDTHPL;  - Ban hành kế hoạch, xây dựng báo cáo theo đúng thời gian quy định | | | | Thực hiện tốt các hoạt động theo dõi tình hình thi hành pháp luật và kịp thời xử lý, kiến nghị xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh bảo đảm đúng quy định của pháp luật | | Thanh tra | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Năm 2024 | |
| 2 | TC 2.2. Rà soát văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) | 100% văn bản QPPL hết hiệu lực, ngưng hiệu lực được công bố theo quy định | | | | Chủ động tự kiểm tra, rà soát hệ thống hóa văn bản QPPL để kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý những văn bản mâu thuẫn, chồng chéo, bất cập, thiếu tính khả thi hoặc không còn phù hợp với thực tiễn quản lý, điều hành ở địa phương, đơn vị | | Thanh tra | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường xuyên | |
| 3 | TC 2.3. Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị | 100% văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiểm tra kiến nghị được xử lý theo quy định | | | |
| **III** | **CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TCTP 3.1. Công khai TTHC và các quy định có liên quan | 100% danh mục TTHC được công bố, công khai đầy đủ, kịp thời theo quy định | | | | Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC kịp thời, đúng quy định | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường  xuyên | |
| 2 | TC 3.2. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông | 100% số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được thực hiện theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông | | | | Hồ sơ TTHC được cập nhật đầy đủ, kịp thời, đúng quy định tại Phần mềm Một cửa điện tử của tỉnh | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường  xuyên | |
| 3 | TCTP 3.3. Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC | 100% hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn được công khai xin lỗi theo quy định | | | | Hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn được công khai xin lỗi theo quy định | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường  xuyên | |
| 4 | TCTP 3.4. Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của địa phương | 100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn | | | | Nâng cao trách nhiệm của công chức, viên chức trong giải quyết TTHC | |
| 5 | TC 3.5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của tỉnh | 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được xử lý và công khai kết quả xử lý theo quy định | | | | Phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được xử lý và công khai kết quả xử lý theo quy định | |
| **IV** | **CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TCTP 4.1. Thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo tại các cơ quan hành chính theo các tiêu chí | Đảm bảo cơ cấu số lượng lãnh đạo theo đúng các tiêu chí quy định | | | | Tiếp tục rà soát, sắp xếp cơ cấu số lượng lãnh đạo theo quy định | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường  xuyên | |
| 2 | TC 4.2. Thực hiện phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước | 100% vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra được xử lý theo quy định | | | | Xử lý kịp thời, đầy đủ các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | Văn phòng | | | Năm 2024 | |
| **V** | **CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TCTP 5.1. Thực hiện quy định về bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý | 100% lãnh đạo quản lý được bổ nhiệm đúng quy định | | | | Tiếp tục duy trì thực hiện tốt công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại lãnh đạo quản lý tại đơn vị | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường  xuyên | |
| **VI** | **CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TCTP 6.1. Thực hiện quy định về việc sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN | Sử dụng nguồn kinh phí NSNN theo đúng quy định hiện hành của nhà nước | | | | Duy trì thực hiện tốt các quy định về sử dụng kinh phí nguồn từ NSNN được cấp | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường  xuyên | |
| 2 | TCTP 6.2. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý | Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định | | | | Xây dựng và ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường  xuyên | |
| 3 | TCTP 6.3. Tổ chức thực hiện các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công | Quản lý, sử dụng tài sản công đúng quy định hiện hành của nhà nước | | | | Duy trì thực hiện tốt các quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, đơn vị | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường  xuyên | |
| 4 | TCTP 6.4. Thực hiện quy định về sử dụng các nguồn tài chính và phân phối kết quả tài chính tại các đơn vị SNCL | Sử dụng đúng quy định nguồn tài chính tại đơn vị SNCL | | | | Duy trì thực hiện tốt các quy định về sử dụng nguồn tài chính tại đơn vị SNCL | | Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến Thương mại | | Các phòng thuộc sở | | | Năm 2024 | |
| **VII** | **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ** | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TCTP 7.1. Phát triển các nền tảng, cơ sở dữ liệu | Duy trì thực hiện tốt các nền tảng, cơ sở dữ liệu | | | | Tiếp tục duy trì cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh; xây dựng, phát triển các hệ thống nền tảng Chính quyền điện tử, Chính quyền số tỉnh bảo đảm tuân thủ Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử, Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh đã ban hành | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường  xuyên | |
| 2 | TCTP 7.2. Tỷ lệ các ứng dụng có dữ liệu dùng chung được kết nối, sử dụng qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) | Mở rộng kết nối với các ứng dụng dùng chung đã sẵn sàng kết nối đến LGSP của tỉnh | | | | Thực hiện kết nối các hệ thống ứng dụng do đơn vị quản trị, vận hành với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | |
| 3 | TC 7.3. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan nhà nước | Duy trì thực hiện tốt Phần mềm quản lý văn bản | | | | Đẩy mạnh việc thực hiện cập nhật, luân chuyển hồ sơ văn bản hành chính trên phần mềm quản lý văn bản đầy đủ, kịp thời theo quy định | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | | Thường  xuyên | |
| 4 | TCTP 7.4. Triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC | Duy trì tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC điện tử năm 2024 đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh | | | | Duy trì thực hiện tốt việc số hóa hồ sơ giải quyết TTHC theo quy định | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | |
| 5 | TCTP 7.5. Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình | Đảm bảo 100% DVCTT đủ điều kiện toàn trình được cung cấp toàn trình | | | | Duy trì thực hiện tốt tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình của đơn vị, phục vụ tốt nhu cầu của tổ chức, cá nhân trong giải quyết TTHC | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | |
| |  | | --- | | **Phụ lục 2.**  **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ**  **CHỈ SỐ CCHC NĂM 2023, NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂM 2024** | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  | |  |  |  |  | | |  | |  |  | |
| **TT** | **Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần** | | **Mục tiêu  năm 2024** | | | **Nhiệm vụ, giải pháp** | | | **Cơ quan chủ trì**  **thực hiện** | | **Cơ quan phối hợp thực hiện** | **Thời gian thực hiện** | |
| **I** | **CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TC 1.1. Sáng kiến, giải pháp mới trong cải cách hành chính | | Có sáng kiến, giải pháp mới đạt chất lượng, yêu cầu quy định | | | Tuyên truyền, vận động và khuyến khích đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tìm giải pháp, sáng kiến mới nâng cao hiệu quả công việc chuyên môn được giao gắn với công tác CCHC | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 2 | TC 1.2. Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao | | 100% nhiệm vụ giao được hoàn thành đúng tiến độ | | | Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong thực hiện các nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao; đảm bảo các nhiệm vụ được giao tham mưu thực hiện có chất lượng, kịp thời, đúng thời gian quy định | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| **II** | **CẢI CÁCH THỂ CHẾ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TCTP 2.1. Tính đồng bộ, thống nhất của các VBQPPL do địa phương ban hành *(Điều tra XHH)* | | 100% văn bản QPPL ban hành trong năm đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất, hợp lý và có tính khả thi cao | | | - Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xây dựng các văn bản QPPL; triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các văn bản theo quy định - Nâng cao trách nhiệm trong việc đánh giá phiếu khảo sát điều tra xã hội học chỉ số CCHC năm | | | Thanh tra | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường xuyên | |
| **III** | **CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TCTP 3.1. Tính hợp lý trong phân định chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan, đơn vị tại địa phương *(Điều tra XHH)* | | Đảm bảo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được quy định cụ thể theo quy định hiện hành | | | Tiếp tục rà soát xây dựng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của cơ quan, đơn vị | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 2 | TCTP 3.2. Tình hình thực hiện quy chế làm việc của UBND tỉnh *(Điều tra XHH)* | | Đảm bảo giải quyết mọi công việc thuộc thẩm quyền đúng nguyên tắc và quy định mà Quy chế đã đề ra | | | Triển khai thực hiện tốt các quy định về Quy chế làm việc của UBND tỉnh theo Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 27/9/2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 3 | TCTP 3.3. Tính hợp lý trong việc phân cấp, phân quyền thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước giữa tỉnh và huyện *(Điều tra XHH)* | | Các quy định về phân cấp, phân quyền của tỉnh đảm bảo đúng quy định của luật hiện hành và hợp lý trong thực hiện | | | Tăng cường phân cấp cho các đơn vị cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; Triển khai thực hiện tốt các quy định về phân cấp, phân quyền quản lý trên địa bàn tỉnh | | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | Văn phòng Sở |
| **IV** | **CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TCTP 4.1. Tỷ lệ cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt | | Bố trí công chức, viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt | | | Tiếp tục rà soát bố trí công chức, viên chức đúng theo vị trí việc làm | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 2 | TCTP 4.2. Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp của tỉnh bố trí viên chức theo đúng vị trí việc làm được phê duyệt | |
| 3 | TC 4.3. Chấp hành kỷ luật, kỷ cương | | 100% cán bộ, công chức, viên chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương công vụ | | | Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương công vụ | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 4 | TC 4.4. Tính công khai, minh bạch; tình trạng tiêu cực trong công tác bổ nhiệm công chức, viên chức *(Điều tra XHH)* | | 100% lãnh đạo quản lý được bổ nhiệm đúng quy định luật hiện hành | | | Thực hiện đúng các quy định về công tác quy hoạch, bổ nhiệm lãnh đạo | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 5 | TC 4.5. Chất lượng đội ngũ công chức, viên chức về năng lực, tinh thần trách nhiệm *(Điều tra XHH)* | | 100% công chức, viên chức có trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc được giao; có phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm trong giải quyết công việc | | | - Nâng cao chất lượng công tác tuyển dụng công chức, viên chức; **-** Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, quán triệt đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chấp hành tốt kỷ luật, kỷ cương công vụ | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| **V** | **CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TCTP 5.1. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước | | Phấn đấu hoàn thành 100% kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước | | | Đẩy nhanh tiến độ  giải ngân kế hoạch vốn năm 2024 đảm bảo thời gian hoàn thành kế hoạch | | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | | Văn phòng | Năm 2024 | |
| 2 | TCTP 5.2. Tỷ lệ giảm chi ngân sách trực tiếp cho các đơn vị sự nghiệp so với năm 2021 | | Phấn đấu giảm tỷ lệ chi ngân sách trong các đơn vị sự nghiệp công lập | | | Đẩy mạnh việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, trong đó tập trung thực hiện: Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật làm cơ sở ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước; Đẩy mạnh thực hiện cung cấp dịch vụ công theo phương thức giao nhiệm vụ, đặt hàng đối với các đơn vị sự nghiệp công trực thuộc tỉnh; trực thuộc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố. | | | Trung tâm Khuyến công và XTTM | | Các phòng thuộc sở | Năm 2024 | |
| 3 | TCTP 5.3. Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính *(Điều tra XHH)* | | 100% cơ quan, đơn vị thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính | | | Nâng cao hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại đơn vị | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 4 | TCTP 5.4. Tính hiệu quả của việc thực hiện cơ chế tự chủ tại các đơn vị SNCL *(Điều tra XHH)* | |  |  | 100% đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ | Nâng cao hiệu quả việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính tại đơn vị | | | Trung tâm Khuyến công và XTTM | | Các phòng thuộc sở |
| **VI** | **XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TCTP 6.1. Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình | | 100% hồ sơ của TTHC toàn trình được giải quyết trực tuyến | | | Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn; rà soát TTHC đủ điều kiện cung cấp thành DVCTT toàn trình; thực hiện đầy đủ chính sách khuyến khích người dân sử dụng DVCTT... | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| Phấn đấu tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến và tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến trên tổng số hồ sơ giao dịch cao hơn năm 2023 | | | Khắc phục những lỗi thường gặp trong quá trình thực hiện thanh toán trực tuyến qua Hệ thống qua Cổng DVC quốc gia; thực hiện việc cập nhật đầy đủ, chính xác thông tin về phí, lệ phí của các TTHC trên hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh. | | |
| **VII** | **TÁC ĐỘNG CỦA CCHC ĐẾN NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI** | | | | | | | | | | | | |
| 1 | TC 7.1. Kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính | | Phấn đấu kết quả Chỉ số hài lòng đạt từ 80% trở lên | | | Triển khai thực hiện tốt các chính sách liên quan đến người dân; đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền về các chính sách trong người dân | | | Văn phòng Sở | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các cơ sở công nghiệp để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp; đôn đốc tiến độ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm CN đã thành lập và các dự án/nhà máy công nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh sớm đi vào vận hành hoạt động | | | Phòng Quản lý công nghiệp | | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  | | --- | | **Phụ lục 3.**  **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CHỈ SỐ HÀI LÒNG**  **VỀ SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH (SIPAS) NĂM 2023, NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂM 2024** | | | | | | | |
| **TT** | **Nhóm tiêu chí/ Tiêu chí thành phần** | **Nhiệm vụ, giải pháp** | **Cơ quan chủ trì  thực hiện** | **Cơ quan phối hợp thực hiện** | **Thời gian thực hiện** |
| **I** | **XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH** | | | | |
| **1** | **Mức độ hài lòng (MĐHL) của người dân về Trách nhiệm giải trình của chính quyền về chính sách** | | | | |
| 1.1 | MĐHL về Chính quyền cung cấp, giải thích thông tin chính sách theo nhiều hình thức, dễ tìm, dễ thấy. | Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các hình thức thông tin, tuyên truyền, giải thích đảm bảo dễ hiểu, dễ tiếp cận, dễ tìm, dễ thấy đối với các chính sách liên quan đến cuộc sống hàng ngày của người dânđể nâng cao nhận thức, sự hiểu biết trong các tầng lớp nhân dân về kết quả thực hiện các chính sách liên quan cuộc sống hàng ngày mà các cơ quan nhà nước đã tích cực thực hiện; đảm bảo mọi người dân đều hiểu biết về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong thực hiện chính sách liên quan. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 1.2 | MĐHL về Chính quyền cung cấp thông tin chính sách đầy đủ, dễ hiểu nội dung. | Nâng cao vai trò, trách nhiệm của công chức, viên chức trong việc cung cấp thông tin về các chính sách cho người dân, đảm bảo mọi thông tin cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời, dễ hiểu. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| **2** | **Cơ hội tham gia vào quá trình xây dựng tổ chức thực hiện chính sách** | | | | |
| 2.1 | MĐHL về Chính quyền tổ chức nhiều hình thức để người dân dễ dàng tham gia ý kiến xây dựng chính sách. | Xây dựng hoặc triển khai thực hiện các chính sách tổ chức xin ý kiến góp ý của người dân bằng nhiều hình thức đa dạng dễ hiểu, dễ tiếp cận giúp mọi người dân dễ dàng tham gia ý kiến đối với chính sách. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 2.2 | MĐHL về Chính quyền tổ chức nhiều hình thức để người dân dễ dàng phản hồi ý kiến đánh giá tình hình triển khai và kết quả tác động của chính sách ở địa phương. | Thực hiện đa dạng các hình thức để người dân dễ dàng phản hồi ý kiến đánh giá tình hình triển khai và kết quả tác động của chính sách đối với người dân. |
| **3** | **Chất lượng chính sách** | | | | |
| 3.1 | MĐHL về Chính quyền tổ chức thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế ở địa phương. | Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách về phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh; đảm bảo các chính sách xây dựng triển khai phù hợp với điều kiện địa phương và mạng lại hiệu quả kinh tế cao. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 3.2 | MĐHL về Chính quyền tổ chức thực hiện tốt chính sách trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. | Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng các quy định về giữ gìn trật tự, an toàn xã hội tại địa phương | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 3.3 | MĐHL về Chính quyền tổ chức thực hiện tốt chính sách giao thông đường bộ ở địa phương. | Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời đúng các quy định về giao thông đường bộ | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 3.4 | MĐHL về Chính quyền tổ chức thực hiện tốt chính sách điện sinh hoạt ở địa phương. | Nâng cao chất lượng công tác xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách về cung cấp, quản lý, sử dụng, phát triển điện sinh hoạt, giá điện, chất lượng điện sinh hoạt,…; đảm bảo các chính sách xây dựng triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện địa phương, mang hiệu quả cao; Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng các quy định về phát triển điện sinh hoạt, chất lượng điện sinh hoạt, giá điện, sử dụng điện. | Phòng An toàn - Năng lượng | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 3.5 | MĐHL về Chính quyền tổ chức thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội ở địa phương. | Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định chính sách an sinh xã hội tại địa phương. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 3.6 | MĐHL về Chính quyền tổ chức thực hiện tốt chính sách cải cách hành chính ở địa phương. | Triển khai thực hiện có hiệu quả các lĩnh vực CCHC, trong đó trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, cải cách chế độ công vụ. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| **4** | **Kết quả tác động của chính sách** | | | | |
| 4.1 | MĐHL về Kinh tế gia đình của người dân địa phương tốt hơn. | Nâng cao chất lượng, hiệu quả việc triển khai thực hiện các chính sách về phát triển kinh tế, an sinh xã hội để đẩy mạnh phát triển kinh tế ở địa phương; đảm bảo kinh tế gia đình ở địa phương đều ở mức khá trở lên. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Khi tham mưu xây dựng chính sách |
| 4.2 | MĐHL về Kinh tế - xã hội của địa phương tốt hơn. |
| 4.3 | MĐHL về Điện sinh hoạt của người dân ở địa phương tốt hơn. | Đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh | Phòng An toàn - Năng lượng | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 4.4 | MĐHL về cơ quan hành chính nhà nước; cán bộ, công chức, viên chức ở địa phương có năng lực và thực thi công vụ tốt hơn. | - Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh; - Nâng cao năng lực chuyên môn, vai trò trách nhiệm, đạo đức công vụ của đội ngũ công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| **II** | **CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG** | | | | |
| **1** | **Thủ tục hành chính** | | | | |
| 1.1 | MĐHL về Công chức yêu cầu người dân nộp hồ sơ TTHC đúng quy định. | Hướng dẫn người dân thực hiện đúng quy định về hành phần hồ sơ TTHC, đảm bảo ít loại giấy tờ, dễ thực hiện nhưng đủ tính pháp lý | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 1.2 | MĐHL về Công chức yêu cầu người dân đóng phí/lệ phí TTHC đúng theo quy định. | Thu phí/lệ phí đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành. |
| 1.3 | MĐHL về Thời hạn giải quyết TTHC đúng theo quy định. | Quy định thời hạn giải quyết TTHC hợp lý; giải quyết TTHC đảm bảo thời gian quy định; Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả việc giải quyết TTHC theo hình thức "Không chờ" và mô hình “Sáng thứ Bảy vì dân”, “30 phút tăng thêm vì dân” |
| **2** | **Công chức trực tiếp giải quyết công việc** | | | | |
| 2.1 | MĐHL về Công chức ở Bộ phận một cửa có thái độ giao tiếp lịch sự, tôn trọng người dân. | Tiếp tục chỉ đạo công chức, viên chức nâng cao đạo đức công vụ, trong đó luôn lịch sự, lẽ phép và tôn trọng người dân | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 2.2 | MĐHL về Công chức ở Bộ phận một cửa hướng dẫn hồ sơ dễ hiểu, đầy đủ, giúp người dân có thể hoàn thiện hồ sơ sau một lần hướng dẫn. | Tiếp tục chỉ đạo cán bộ, công chức, viên chức nâng cao trách nhiệm trong việc cung cấp thông tin và giải quyết TTHC kịp thời, đầy đủ, chính xác khi tiếp nhận hồ sơ và giải quyết TTHC |
| 2.3 | MĐHL về Công chức ở Bộ phận một cửa tuân thủ đúng quy định trong giải quyết TTHC. |
| **3** | **Kết quả dịch vụ** |  |  |  |  |
| 3.1 | MĐHL về Kết quả giải quyết TTHC được trả đúng hẹn. | Tiếp tục chỉ đạo công chức, viên chức nâng cao trách nhiệm giải quyết TTHC đảm bảo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định hiện hành | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 3.2 | MĐHL về Kết quả giải quyết TTHC có thông tin đầy đủ, chính xác. |
| 3.3 | MĐHL về Kết quả giải quyết TTHC đảm bảo tính công bằng. |
| **4** | **Cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị** | | | | |
| 4.1 | MĐHL về Bộ phận một cửa bố trí hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị dễ dàng. | - Tổ chức tiếp nhận phản ánh kiến nghị về TTHC bằng nhiều hình thức đa dạng giúp người dân, tổ chức dễ thực hiện phản ánh, kiến nghị;  - Thực hiện đúng các quy định về việc tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị tại cơ quan, đơn vị;  - Đảm bảo tất cả các phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức được xử lý thỏa đáng, đúng quy định của luật hiện hành. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên |
| 4.2 | MĐHL về Bộ phận một cửa tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị đúng quy định. |
| 4.3 | MĐHL về Bộ phận một cửa thông báo kết quả xử lý phản ánh kiến nghị cho người dân kịp thời. |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  | | --- | | **Phụ lục 4.**  **NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ**  **QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) NĂM 2023, NÂNG CAO CHỈ SỐ NĂM 2024** | | | | | | | | |
|  | |  | | --- | |  | | | | | |  | |
| **TT** | **Chỉ số nội dung/Nội dung thành phần** | **Nhiệm vụ, giải pháp** | **Cơ quan chủ trì thực hiện** | **Cơ quan phối  hợp thực hiện** | **Thời gian  thực hiện** | |
| **1** | **Chỉ số nội dung “Tham gia của người dân ở cấp cơ sở”** | |  |  |  | |
| 1.1 | Tri thức công dân | Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các hình thức thông tin, tuyên truyền, giải thích đảm bảo dễ hiểu, dễ tiếp cận, dễ tìm, dễ thấy đối với các chính sách liên quan đến cuộc sống hàng ngày của người dân để nâng cao nhận thức, sự hiểu biết trong các tầng lớp nhân dân về kết quả thực hiện các chính sách liên quan cuộc sống hàng ngày mà các cơ quan nhà nước đã tích cực thực hiện; đảm bảo mọi người dân đều hiểu biết về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong thực hiện chính sách liên quan. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 1.2 | Cơ hội tham gia | - Khi xây dựng hoặc triển khai thực hiện các chính sách tổ chức xin ý kiến góp ý của người dân bằng nhiều hình thức đa dạng, dễ hiểu, dễ tiếp cận giúp mọi người dân dễ dàng tham gia ý kiến đối với chính sách.  - Xây dựng đa dạng các hình thức để người dân dễ dàng phản hồi ý kiến đánh giá tình hình triển khai và kết quả tác động của chính sách đối với người dân. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| **2** | **Chỉ số nội dung “Công khai, minh bạch”** | |  |  |  | |
| 2.1 | Tiếp cận thông tin | Đảm bảo thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin năm 2016; Công khai, cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, đầy đủ, dễ hiểu, dễ tiếp cận; Thường xuyên cập nhật và công khai thông tin theo đúng Danh mục thông tin phải được công khai; rà soát, phân loại, kiểm tra và bảo đảm tính bí mật của thông tin trước khi cung cấp. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| **3** | **Chỉ số nội dung “Trách nhiệm giải trình với nhân dân”** | |  |  |  | |
| 3.1 | Hiệu quả tương tác với các cấp chính quyền | Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác thông tin, tuyên truyền, giải thích các chính sách liên quan đến người dân, tổ chức bằng nhiều hình thức giúp người dân, tổ chức dễ tiếp cận, dễ tìm, dễ thấy; Chủ động tương tác tích cực với người dân thông qua các buổi tiếp dân định kỳ hoặc đột xuất để nâng cao trách nhiệm giải trình trực tiếp với người dân; thường xuyên tổ chức đối thoại với người dân. | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 3.2 | Giải đáp khiếu nại, tố cáo, khúc mắc của người dân | Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, trong đó tập trung giải quyết dứt điểm, có hiệu quả những khúc mắc, khiếu nại, tố cáo của công dân; Nâng cao vai trò, trách nhiệm hoạt động của Ban thanh tra nhân dân cấp cơ sở. | Thanh tra | Các phòng, đơn vị thuộc sở |
| **4** | **Chỉ số nội dung “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công”** | |  |  |  | |
| 4.1 | Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền | Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức biết thực hiện và người dân giám sát, góp phần nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng tại địa phương. | Thanh tra | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 4.2 | Quyết tâm chống tham nhũng | Xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, lãng phí; các hành vi vòi vĩnh trong xử lý công việc, nhất là giải quyết TTHC khi phát hiện. |
| **5** | **Chỉ số nội dung “Cung ứng dịch vụ công”** | |  |  |  | |
| 5.1 | Cơ sở hạ tầng căn bản | Đảm bảo cung cấp điện phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và phục vụ sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh | Phòng An toàn - Năng lượng | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| **6** | **Chỉ số nội dung “Quản trị điện tử”** | |  |  |  | |
| 6.1 | Sử dụng cổng thông tin điện tử của chính quyền địa phương | - Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền và khuyến khích người dân khai thác, truy cập Cổng/trang thông tin điện tử của tỉnh và của các ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh;  - Đăng tải đầy đủ, kịp thời các văn bản về chế độ chính sách, quyền, nghĩa vụ của người dân; công khai thông tin chỉ dẫn, biểu mẫu thực hiện thủ tục hành chính đầy đủ, cụ thể, rõ ràng, dễ tiếp cận trên cổng/trang thông tin điện tử của tỉnh, của các đơn vị | Văn phòng Sở | Các phòng, đơn vị thuộc sở | Thường  xuyên | |
| 6.2 | Tiếp cận và sử dụng Internet tại địa phương; | Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin đồng bộ giữa thành thị và vùng nông thôn để người dân tiếp cận, sử dụng. Phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ mạng INTERNET kết nối mạng INTERNET đến các vùng nông thôn và có cơ chế khuyến khích người dân sử dụng |
| 6.3 | Phúc đáp qua cổng thông tin điện tử | Nâng cao chất lượng, đổi mới giao diện theo hướng thân thiện, dễ tiếp cận, dễ sử dụng mục hỏi đáp trên Cổng/trang thông tin điện tử của tỉnh và các đơn vị |